

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2600104283 lần đầu ngày 02/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 29/08/2019.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh : Songhong Joint Stock Corporation.

Tên doanh nghiệp viết tắt : Songhong Corp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600104283 thay đổi lần thứ 06 ngày 29/08/2019 là 270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tỷ đồng*), được chia thành 27.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán là SHG.

Cổ phiếu của Tổng Công ty bị duy trì hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM theo Thông báo số 3127/TB-SGDHN ngày 20/10/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Cao Tiến Trung	Thành viên BKS
--------------------	----------------

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài các sự kiện đã trình bày tại Mục 7.3- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Số: 105/2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 16 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Chúng tôi chưa thu thập được Biên bản đối chiếu các khoản nợ phải thu đối với các khoản nợ phải thu của Tổng Công ty và chúng tôi chưa thu thập được Biên bản đối chiếu các khoản nợ phải thu của các Công ty con tại thời điểm 30/06/2022 với số tiền là 119,8 tỷ đồng (trong đó, phải thu khách hàng là 53,7 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 21,1 tỷ đồng, các khoản phải thu khác là 44,8 tỷ đồng); tại thời điểm 31/12/2021 với số tiền là 116,7 tỷ đồng (trong đó, phải thu khách hàng là 50,4 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 21,8 tỷ đồng, các khoản phải thu khác là 44,5 tỷ đồng). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét thay thế nhưng cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và số dự phòng phải thu cần trích lập của các khoản nợ phải thu này tại thời điểm 30/06/2022. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và số dự phòng phải thu cần trích lập của các khoản nợ phải thu này tại thời điểm 30/06/2022 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Chúng tôi chưa thu thập được Biên bản đối chiếu các khoản nợ phải trả đối với các khoản nợ phải trả của Tổng Công ty và chúng tôi chưa thu thập được Biên bản đối chiếu các khoản nợ phải trả của các Công ty con tại thời điểm 30/06/2022 với số tiền là 348,4 tỷ đồng (trong đó, phải trả người bán là 156,7 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 72,5 tỷ đồng, các khoản phải trả khác là 72,14 tỷ đồng và các khoản vay là 46,98 tỷ đồng); tại thời điểm 30/06/2022 với số tiền là 351,7 tỷ đồng (trong đó, phải trả người bán là 159,5 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 74,4 tỷ đồng, các khoản phải trả khác là 70,7 tỷ đồng và các khoản vay là 47,1 tỷ đồng). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét thay thế nhưng cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ, hiện hữu, đúng đắn của các khoản công nợ phải trả này tại thời điểm 30/06/2022. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính đầy đủ, hiện hữu, đúng đắn của các khoản công nợ phải trả này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Do cách thức quản lý của các Công ty con nên kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 30/06/2022 của các Công ty con. Với các thông tin đã được cung cấp và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá được tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của hàng tồn kho tại ngày 30/06/2022 là 209,7 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là 213,4 tỷ đồng), cũng như số dự phòng giảm giá của hàng tồn kho cần trích lập trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của hàng tồn kho trên, cũng như số dự phòng giảm giá của hàng tồn kho cần trích lập và ảnh hưởng của chúng đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Theo Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn (của số tiền nợ gốc 95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017). Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa hạch toán số lãi quá hạn kể từ ngày 19/06/2017 đến ngày 30/06/2022. Do tính chất phức tạp của giao dịch và sổ sách của Tổng Công ty, chúng tôi không ước tính được số lãi quá hạn ghi nhận thiếu từ ngày 19/06/2017 đến ngày 30/06/2022. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan đến khoản mục này cũng sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng là Công ty con của Tổng Công ty (do Công ty này đã dừng hoạt động và không có cán bộ quản lý và kế toán). Số liệu được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 31/12/2016 chưa được kiểm toán, trong đó tài sản với giá trị 50,97 tỷ đồng, nợ phải trả 62,05 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 11,07 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các số liệu về tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty con nói trên trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của các Công ty liên kết là: Công ty CP Thép Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng 36, Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng), Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội, Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng Miền Trung với giá trị đầu tư là 134,4 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là 134,4 tỷ đồng) đồng thời Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của một số Công ty nhận đầu tư dài hạn khác là: Công ty CP Sông Hồng Đại Phát, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9, Công ty CP Sông Hồng 6, Công ty CP Sông Hồng Bình Tây, Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long với giá trị đầu tư là 7,8 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là 7,8 tỷ đồng). Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính hiện hữu và Sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính nói trên cũng như ảnh hưởng của chúng đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Tổng Công ty đã hạch toán tăng bất động sản đầu tư với giá trị 56,2 tỷ đồng, hạch toán toàn bộ doanh thu dự án với giá trị là 78,9 tỷ đồng và trích trước giá vốn dự án với giá trị là 56,2 tỷ đồng khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành. Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 18/04/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về việc Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2, giá trị quyết toán của dự án là 831.491.569.445 đồng, tuy nhiên, giữa các bên chưa thực hiện quyết toán giá trị phần diện tích mà Tổng Công ty được phân chia. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng về ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh số 5.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư chi phí xây dựng dở dang Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I tại ngày 30/06/2022 là 166,71 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là 166,71 tỷ đồng). Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đối chiếu khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ. Chúng tôi không thể ước tính được ảnh hưởng của các vấn đề trên đến chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ hoạt động 30/06/2022 của Tổng Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2022, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 770,08 tỷ đồng. Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ với số tiền là 27,09 tỷ đồng. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế hợp nhất đến ngày 30/06/2022 là 1.114,7 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu là 808,83 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản công nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho thuê mặt bằng và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong khoản mục Chi phí phải trả tại ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty có khoản chi phí trích trước giá vốn các công trình theo tỷ lệ giao thầu của Hợp đồng thầu phụ. Theo đánh giá của Tổng Công ty, chi phí trích trước này sẽ được quyết toán khi Tổng Công ty thực hiện quyết toán các công trình với các bên thầu phụ.

Các vấn đề trên không ảnh hưởng đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề khác

Tổng Công ty chưa thực hiện việc công bố đầy đủ thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.



Bùi Thị Thuý

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		853.222.203.660	880.846.492.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.736.931.221	11.541.669.130
1. Tiền	111		3.736.931.221	7.166.669.130
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.375.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428.904.690.531	444.702.268.044
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	190.378.437.121	202.739.940.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	280.435.937.375	280.870.012.858
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	198.223.271.444	201.225.269.599
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(245.856.580.338)	(245.856.580.338)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	5.723.624.929	5.723.624.929
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	405.817.543.570	409.307.270.217
1. Hàng tồn kho	141		405.817.543.570	409.307.270.217
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.363.038.338	14.895.284.638
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.125.348.634	3.150.714.167
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.070.019.490	11.643.214.102
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	167.670.214	101.356.369
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		477.284.900.340	474.834.823.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		299.697.798.035	297.776.291.480
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	299.697.798.035	297.776.291.480
II. Tài sản cố định	220		3.287.182.801	3.776.228.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	3.287.182.801	3.776.228.277
- Nguyên giá	222		77.459.476.896	77.459.476.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.172.294.095)	(73.683.248.619)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		10.700.000	10.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.700.000)	(10.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	54.007.583.479	54.757.688.805
1. Nguyên giá	231		56.257.899.457	56.257.899.457
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.250.315.978)	(1.500.210.652)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.969.757.459	37.969.757.459
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	37.969.757.459	37.969.757.459
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	81.538.049.027	78.087.874.467
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		74.718.935.085	71.268.760.525
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.215.113.942	11.215.113.942
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.396.000.000)	(4.396.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		784.529.539	2.466.983.090
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	784.529.539	2.466.983.090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.330.507.104.000	1.355.681.315.607

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	22.517.626.172	9.350.614.026
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		22.517.626.172	9.350.614.026
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.952.209.492	5.010.579.862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.565.416.680	4.340.034.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	56.391.904	9.151.857
7. Chi phí tài chính	22	6.4	27.922.816.048	28.226.015.990
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.922.816.048	28.226.015.990
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.450.174.560	1.712.512.708
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.925.889.642	4.705.260.962
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(27.776.722.546)	(26.869.578.223)
12. Thu nhập khác	31	6.6	724.362.632	84.086.264
13. Chi phí khác	32	6.6	45.837.462	36.904.390
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		678.525.170	47.181.874
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(27.098.197.376)	(26.822.396.349)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(27.098.197.376)	(26.822.396.349)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(26.822.650.268)	(26.691.138.261)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông KKS	62		(275.547.108)	(131.258.088)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(994,9)	(990,0)

Người lập

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng

Trần Anh Tài

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lã Tuấn Hưng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2600104283 lần đầu ngày 02/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 29/08/2019.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh : Songhong Joint Stock Corporation.

Tên doanh nghiệp viết tắt : Songhong Corp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600104283 thay đổi lần thứ 06 ngày 29/08/2019 là 270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tỷ đồng*), được chia thành 27.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán là SHG.

Cổ phiếu của Tổng Công ty bị duy trì hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM theo Thông báo số 3127/TB-SGDHN ngày 20/10/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2022 là 28 người (tại ngày 31/12/2021 là 28 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

• Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu cống, thủy điện, bu-đi-ên, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế, các công trình thăm lục địa, cảng sông, cảng biển; Xây dựng lắp đặt hệ thống nước y tế, khí sạch, thiết bị thí nghiệm, xử lý môi trường trong các công trình y tế;

• Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

• Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

• Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;

• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

• Lắp đặt hệ thống điện;

• Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

• Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;

• Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

• Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

• Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

• Bán buôn tổng hợp;

• Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;

• Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

• Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Cho thuê mặt bằng, văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2022, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên công ty, đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
Đầu tư vào Công ty con					
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Recenco Sông Hồng	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	55,00%	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần XD Dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	55,00%	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	61/3- Tiểu La, P. Hoà Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Xây dựng dân dụng	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	Số nhà 69, Tờ 18, P. Gia Sàng, TP. Thái Nguyên	Xây dựng dân dụng	55,73%	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	51,00%	57,08%	57,08%
Đầu tư vào Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	Phố Đoàn Kết, P. Bạch Hạc, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất thép	32,90%	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Thôn Thượng Sơn, xã Phong Dụ Thượng, H. Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Sản xuất điện	48,91%	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Số 72, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	43,25%	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	48,75%	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	16 Việt Bắc, P. Vỹ Dạ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất	35,50%	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	22,51%	20%	20,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	Số nhà 561, đại lộ Hùng Vương, P. Bến Gót, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Chuẩn bị mặt bằng	21%	21%	21,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	36/6 Đường Giải Phóng, Phường 4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng dân dụng	37,98%	25,11%	25,11%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8	Số 70, phố An Dương, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, Hà Nội	Xây dựng dân dụng	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	Tầng 3, tòa nhà Sapphire Palace, số 4 phố Chính Kinh, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Kinh doanh BĐS	22,51%	7,33%	7,33%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	243 Cái Sơn Hàng Bàng, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Xây dựng dân dụng	45,45%	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Số 164, phố Lò Đúc, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Tư vấn kỹ thuật	21,00%	21,00%	21,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm mục đích thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022.

Tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng là Công ty con của Tổng Công ty (do Công ty này đã dừng hoạt động và không có cán bộ quản lý và kế toán). Số liệu được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2022, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 770,08 tỷ đồng. Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có kết quả kinh doanh hợp nhất lỗ với số tiền là 27,09 tỷ đồng. Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế hợp nhất đến ngày 30/06/2022 là 1.114,7 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu là 808,83 tỷ đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản công nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho thuê mặt bằng và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên đánh giá và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Tổng Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục, các giải pháp thực hiện cụ thể gồm có:

- Nỗ lực thu hồi công nợ.
- Đẩy mạnh nguồn lực sẵn có từ việc tiết giảm không gian làm việc, sửa chữa, cải tạo văn phòng, tăng doanh thu từ việc cho thuê mặt bằng.
- Tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư tại các Công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng theo công văn số 153/BXD-QLDN ngày 24/01/2017 của Bộ Xây dựng.
- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 580/VPCP-DMDN ngày 23/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc Gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020: "Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương tiếp tục thực hiện quyết định số 908/QĐ-TTg đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025.", Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng có nằm trong danh sách thuộc Quyết định số 908/QĐ-TTg.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán 6 tháng. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc, thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm tin học được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định vô hình đã hết giá trị khấu hao.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất đến hết ngày 03/07/2058.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Lợi thế thương mại

Chi phí từ lợi thế các lô đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước theo thông báo lãi vay của ngân hàng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Chi phí giá vốn: trích trước theo tỷ lệ doanh thu dựa trên cơ sở doanh thu nghiệm thu với chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ; giá thành hoạt động xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.996.570.926	2.717.776.039
Tiền gửi ngân hàng (i)	560.360.295	4.448.893.091
Tiền đang chuyển	180.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	-	4.375.000.000
Tổng	3.736.931.221	11.541.669.130

- (i) Khoản tiền gửi giá trị 2.783.295.507 đồng và khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng giá trị 4.375.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy Tổng Công ty được phong tỏa theo cam kết 3 bên về việc quản lý, sử dụng đúng nguồn vốn cho dự án xây dựng công trình khu tái định cư CT1-04: Thi công xây lắp nhà CT1B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình và được giải tỏa ngày 12/5/2022. Toàn bộ số tiền này đã được trích về tài khoản tạm thu KBNN quận Tây Hồ để thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quyết định số 490/QĐ-CCTHADS ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.2 Phải thu của khách hàng

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	190.378.437.121	202.739.940.996
BQL Dự án ĐTPT giao thông đô thị Hà Nội	16.029.578.821	16.029.578.821
BQL Dự án Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	36.351.042.000	36.351.042.000
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7.072.391.072	7.072.391.072
Công ty Cổ phần BĐS Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	8.960.508.339	8.960.508.339
Các đối tượng khác	121.964.916.889	134.326.420.764
Tổng	190.378.437.121	202.739.940.996
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>21.761.302.987</i>	<i>21.761.302.987</i>
<i>Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1</i>		

5.3 Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	280.435.937.375	280.870.012.858
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43.574.509.655	43.574.509.655
Đối tượng khác	110.471.341.589	110.905.417.072
Tổng	280.435.937.375	280.870.012.858
<i>Trả trước người bán là các bên liên quan</i>	<i>146.267.359.886</i>	<i>146.267.359.886</i>
<i>Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	198.223.271.444	(127.996.580.109)	201.225.269.599	(127.996.580.109)
Tạm ứng	32.692.116.578	(8.871.808.036)	32.752.872.628	(8.871.808.036)
Ký cược, ký quỹ	209.188.415	-	209.188.415	-
Phải thu về Cổ phần hóa	5.115.072.141	(3.682.505.370)	5.115.072.141	(3.682.505.370)
Phải thu khác				
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 6</i>	<i>35.470.547.873</i>	<i>(35.470.547.876)</i>	<i>35.470.547.873</i>	<i>(35.470.547.876)</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>124.736.346.437</i>	<i>(79.971.718.827)</i>	<i>127.677.588.542</i>	<i>(79.971.718.827)</i>
Dài hạn	299.697.798.035	-	297.776.291.480	-
Ký cược, ký quỹ	928.000.000	-	928.000.000	-
Ban QLDA Thái Hà (tiền góp vốn dự án và các khoản khác)	285.177.764.718	-	285.177.764.718	-
Các khoản khác	13.592.033.317	-	11.670.526.762	-
Tổng	497.921.069.479	(127.996.580.109)	499.001.561.079	(127.996.580.109)
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>43.274.952.122</i>		<i>43.274.952.122</i>	

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	362.820.973.274	116.964.392.936	362.820.973.274	116.964.392.936

Trong đó: Giá gốc công nợ quá hạn trên 3 năm của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và các Công ty con cụ thể như sau:

Tên công ty	Số tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	327.275.009.886
Công ty TNHH MTV Cơ giới và xây dựng Sông Hồng	7.068.841.543
CT TNHH MTV Sông Hồng An Dương	5.802.694.676
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	18.544.521.691
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	4.129.905.478
Tổng	362.820.973.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.799.027.494	1.799.027.494
Hàng tồn kho	3.159.495.402	3.159.495.402
Tài sản cố định	499.172.496	499.172.496
Tài sản khác	265.929.537	265.929.537
Tổng	5.723.624.929	5.723.624.929

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.944.486	-	18.944.486	-
Công cụ, dụng cụ	154.449.140	-	154.449.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	381.307.079.674	-	384.796.806.321	-
- Công trình nhà máy	166.716.096.300	-	166.716.096.300	-
- Nhiệt điện Vũng Áng I	214.590.983.374	-	218.080.710.021	-
- Các công trình khác	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá (i)	24.337.070.270	-	24.337.070.270	-
Tổng	405.817.543.570	-	409.307.270.217	-

(i) Lô đất tại khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này được ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" của Báo cáo tài chính với số tiền 24.655.500.000 đồng.

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.125.348.634	3.150.714.167
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	3.125.348.634	3.150.714.167
Dài hạn	784.529.539	2.466.983.090
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.919.353	7.919.353
Lợi thế thương mại		
Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	31.978.165	1.706.543.175
Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.342	222.475.342
Chi phí trả trước dài hạn khác	522.156.679	530.045.220
Tổng	3.909.878.173	5.617.697.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	30/06/2022
	Phải thu	101.356.369	66.313.845	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	92.821.146	-	-	92.821.146
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	66.313.845	-	66.313.845
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.535.223	-	-	8.535.223
		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2022
Phải nộp	29.376.273.522	3.490.529.807	3.444.043.717	29.422.759.612
Thuế giá trị gia tăng	23.201.245.552	1.949.510.225	1.965.281.187	23.185.474.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.027.288	-	-	297.027.288
Thuế thu nhập cá nhân	425.820.110	274.640.702	213.383.650	487.077.162
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.315.524.400	1.254.378.880	1.254.378.880	2.315.524.400
Các loại thuế khác	371.417.980	12.000.000	11.000.000	372.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.765.238.192	-	-	2.765.238.192

5.10 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	56.257.899.457	-	-	56.257.899.457
- Nhà	56.257.899.457	-	-	56.257.899.457
Giá trị hao mòn lũy kế	1.500.210.652	750.105.326	-	2.250.315.978
- Nhà	1.500.210.652	750.105.326	-	2.250.315.978
Giá trị còn lại	54.757.688.805	(750.105.326)	-	54.007.583.479
- Nhà	54.757.688.805	(750.105.326)	-	54.007.583.479

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

Đề nghị trình bày bổ sung: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	35.602.635.193	35.602.635.193
Dự án Lĩnh Nam	502.947.394	502.947.394
Các dự án khác	1.864.174.872	1.864.174.872
Tổng	37.969.757.459	37.969.757.459

(i) Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện kéo dài hơn so với kế hoạch (18 tháng). Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.12	Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2022	20.055.650.992	42.843.843.429	13.540.031.827	1.019.950.648	77.459.476.896		
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-		
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		
Số dư tại 30/06/2022	20.055.650.992	42.843.843.429	13.540.031.827	1.019.950.648	77.459.476.896		
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2022	17.153.476.804	42.558.261.772	12.951.559.395	1.019.950.648	73.683.248.619		
Tăng trong kỳ	285.899.315	15.708.661	187.437.500	-	489.045.476		
Khấu hao trong kỳ	285.899.315	15.708.661	187.437.500	-	489.045.476		
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		
Số dư tại 30/06/2022	17.439.376.119	42.573.970.433	13.138.996.895	1.019.950.648	74.172.294.095		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2022	2.902.174.188	285.581.657	588.472.432	-	3.776.228.277		
Số dư tại 30/06/2022	2.616.274.873	269.872.996	401.034.932	-	3.287.182.801		

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2022 là 47.445.715.290 đồng (tại 31/12/2021 là 47.586.925.290 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá theo PP Vốn CSH	Giá trị hợp lý	Giá theo PP Vốn CSH
a) Đầu tư Công ty liên kết	190.220.364.580	74.718.935.085	(*)	71.268.760.525
Công ty CP Thép Sông Hồng	102.000.000.000	-		-
Công ty CP Sông Hồng 36	9.750.000.000	-		-
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	5.250.000.000	480.912.114		480.912.114
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5.022.404.482	-		-
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4.000.000.000	-		-
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36.498.220.000	59.276.141.077		55.783.247.338
Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	2.200.000.000	3.035.798.305		3.078.517.484
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	-	-		-
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	6.000.000.000	4.374.920.871		4.374.920.871
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	364.681.268	344.772.685		344.772.685
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	11.035.058.830	-		-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	1.000.000.000	1.216.979.096		1.216.979.096
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	7.100.000.000	5.989.410.937		5.989.410.937

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của các Công ty liên kết đó là: Công ty CP Thép Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng 36, Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng), Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây, Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội, Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng Tây Đô, Công ty CP Sông Hồng Miền Trung với giá trị đầu tư là 146,49 tỷ đồng.

(*) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết là các Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	
b) Đầu tư dài hạn khác	11.215.113.942	-	11.215.113.942	(4.396.000.000)	(4.396.000.000)
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	1.038.110	-	-
Công ty CP Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	1.264.586.273	-	-
Công ty cổ phần Công nghệ và xây dựng Sông Hồng	500.000.000	-	500.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1.563.089.559	-	1.563.089.559	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long	1.490.400.000	-	1.490.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	1.696.000.000	(1.696.000.000)	1.696.000.000	-	(1.696.000.000)

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của các Công ty nhận đầu tư dài hạn đó là: Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng, Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng, Công ty CP Sông Hồng Đại Phát, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9, Công ty CP Sông Hồng 6, Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long với giá trị là đầu tư là 8,2 tỷ đồng.

(*) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.14 Phải trả người bán

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	273.911.061.129		268.907.407.919	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	28.443.875.281		28.443.875.281	
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19.170.145.785		19.170.145.785	
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	17.814.866.775		17.814.866.775	
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	15.447.090.615		15.447.090.615	
Đối tượng khác	193.035.082.673		188.031.429.463	
Tổng	273.911.061.129	(*)	268.907.407.919	(*)
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>97.681.934.026</i>		<i>97.681.934.026</i>	

(*) Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	72.748.054.321	74.587.883.411
Dự án biệt thự Tây Hồ	24.655.500.000	24.655.500.000
Đối tượng khác	48.092.554.321	49.932.383.411
Tổng	72.748.054.321	74.587.883.411
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>15.750.000</i>	<i>15.750.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.16 Chi phí phải trả

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	797.729.635.162	790.430.588.899
Chi phí lãi vay phải trả	452.913.577.784	425.301.186.394
Trích trước giá vốn Bất động sản đầu tư	82.540.028.391	83.290.133.717
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (i)	233.936.493.678	255.400.000.217
Chi phí khác	28.339.535.309	26.439.268.571
Dài hạn	29.339.344.633	29.339.344.633
Lãi vay phải trả	29.339.344.633	29.339.344.633
Tổng	827.068.979.795	819.769.933.532

(i): Chi phí phải trả chưa có hóa đơn GTGT, trích trước qua nhiều năm tài chính và chưa được thanh quyết toán tại ngày 30/06/2022.

5.17 Phải trả, phải nộp khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	119.631.163.458	117.241.535.260
Kinh phí công đoàn	970.740.772	864.230.132
Bảo hiểm xã hội;	5.595.414.752	5.326.914.970
Bảo hiểm y tế	718.775.670	683.438.097
Phải trả về cổ phần hóa	4.176.729.883	4.176.729.883
Bảo hiểm thất nghiệp	297.432.115	224.387.854
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.477.647	40.477.647
Các khoản phải trả khác	107.751.592.619	105.925.356.677
Dài hạn	263.821.147.610	263.881.378.011
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn để làm sổ đỏ biệt thự D3	200.000.000	200.000.000
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 dự án Thái Hà chờ quyết toán	227.703.875.952	227.703.875.952
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174.205.096	174.205.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo sổ tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30.498.000.000	30.498.000.000
Phải trả phải nộp dài hạn khác	5.245.066.562	5.305.296.963
Tổng	383.452.311.068	381.122.913.271
<i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan</i>	<i>16.705.940.790</i>	<i>16.705.940.790</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.18 Dự phòng phải trả

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	401.091.346	401.091.346
Dự phòng phải trả khác	401.091.346	401.091.346
Dài hạn	221.065.929.865	238.974.988.001
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) (i)	5.690.630.100	5.690.630.100
Công ty TNHH MTV Triều Châu (ii)	215.375.299.765	233.284.357.901
Tổng	221.467.021.211	239.376.079.347

(i) Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc: Tổng Công ty CP Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Một phần khoản dự phòng phải trả VAMC được chuyển cho Công ty TNHH MTV Triều Châu theo Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ với số tiền là 233.284.357.901 đồng.

(ii) Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc Thi hành án theo yêu cầu: Buộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Triều Châu số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 233.284.357.901 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (89,74 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	311.640.708.014	311.640.708.014	7.500.000.000	462.000.000	304.602.708.014	304.602.708.014
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	67.378.692.253	67.378.692.253	-	-	67.378.692.253	67.378.692.253
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	34.221.454.880	34.221.454.880	-	-	34.221.454.880	34.221.454.880
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (i)	191.809.390.313	191.809.390.313	-	-	191.809.390.313	191.809.390.313
Các đối tượng khác (ii)	18.231.170.568	18.231.170.568	7.500.000.000	462.000.000	11.193.170.568	11.193.170.568
Vay dài hạn	1.803.955.400	1.803.955.400	-	-	1.803.955.400	1.803.955.400
Các đối tượng khác (ii)	1.803.955.400	1.803.955.400	-	-	1.803.955.400	1.803.955.400
Tổng	313.444.663.414	313.444.663.414	7.500.000.000	462.000.000	306.406.663.414	306.406.663.414
<i>Trong đó, Vay bên liên quan</i>	<i>340.000.000</i>				<i>340.000.000</i>	

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận để Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

(ii) Các khoản vay cá nhân cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 0% đến 8,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số dư tại 01/01/2021	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng	Đơn vị tính: VND	
												30/06/2022	01/01/2022
Số dư tại 01/01/2021	270.000.000.000	24.126.376.429	-	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(1.029.316.201.813)	(21.259.709.782)	(723.169.896.128)		
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(58.540.740.676)	(61.418.207)	(58.602.158.883)		
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(57.483.134.349)	(61.418.207)	(57.544.552.556)		
Giảm do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.057.606.327)	-	(1.057.606.327)		
Số dư tại 31/12/2021	270.000.000.000	24.126.376.429	-	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(1.087.856.942.489)	(21.321.127.989)	(781.772.055.011)		
Số dư tại 01/01/2022	270.000.000.000	24.126.376.429	-	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(1.087.856.942.489)	(21.321.127.989)	(781.772.055.011)		
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	32.417.730	-	32.417.730		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	-	-	-	-	-	-	32.417.730	-	32.417.730		
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.822.650.268)	(275.547.108)	(27.098.197.376)		
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.822.650.268)	(275.547.108)	(27.098.197.376)		
Số dư tại 30/06/2022	270.000.000.000	24.126.376.429	-	1.072.018.933	(390.000.000)	26.413.502.573	25.981.000	6.158.136.532	(1.114.647.175.027)	(21.596.675.097)	(808.837.834.657)		

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2022	01/01/2022
Vốn góp của Nhà nước	132.412.000.000	132.412.000.000
Phan Việt Anh	100.000.000	100.000.000
Lã Tuấn Hưng	25.810.000.000	25.810.000.000
Nguyễn Anh Trung	40.219.780.000	40.219.780.000
Nguyễn Trung Kiên	29.874.000.000	29.874.000.000
Cổ đông khác	41.584.220.000	41.584.220.000
Tổng	270.000.000.000	270.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	270.000.000.000	270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	39.000	39.000
Cổ phiếu phổ thông	39.000	39.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.961.000	26.961.000
Cổ phiếu phổ thông	26.961.000	26.961.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.413.502.573	26.413.502.573
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.158.136.532	6.158.136.532

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.657.397.670	3.929.790.890
Doanh thu hợp đồng xây lắp	18.860.228.502	5.420.823.136
Tổng	22.517.626.172	9.350.614.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.151.125.007	1.754.480.262
Giá vốn hợp đồng xây lắp	18.801.084.485	3.256.099.600
Tổng	20.952.209.492	5.010.579.862

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi	56.391.904	9.151.857
Tổng	56.391.904	9.151.857

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay	27.922.816.048	28.226.015.990
Tổng	27.922.816.048	28.226.015.990

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.925.889.642	4.705.260.962
Chi phí nhân viên quản lý	3.246.792.621	3.634.380.497
Chi phí vật liệu quản lý	9.787.564	11.685.910
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.781.442	32.283.114
Chi phí khấu hao TSCĐ	489.045.476	497.118.826
Thuế, phí và lệ phí	286.976.947	60.653.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.653.514	234.464.085
Chi phí bằng tiền khác	520.852.078	234.675.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Thu nhập khác		
Tiền cho thuê mặt bằng	84.000.000	84.000.000
Công nợ được xóa	640.362.632	-
Thu nhập khác	-	86.264
Tổng	724.362.632	84.086.264
Chi phí khác		
Chi phí khác	45.837.462	36.904.390
Tổng	45.837.462	36.904.390
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	678.525.170	47.181.874

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(27.098.197.376)	(26.822.396.349)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(26.822.650.268)	(26.691.138.261)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(275.547.108)	(131.258.088)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	(26.822.650.268)	(26.691.138.261)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	27.000.000	27.000.000
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	39.000	39.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	26.961.000	26.961.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(994,9)	(990,0)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.524.006	4.813.536.226
Chi phí nhân công	3.246.792.621	7.574.568.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	489.045.476	1.697.802.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.653.514	5.014.637.256
Chi phí khác bằng tiền	808.874.025	2.348.562.387
Tổng	4.925.889.642	21.449.106.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Thép Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Hồng 36	Công ty liên kết
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Các khoản đầu tư khác
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Các khoản đầu tư khác
Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Việt Anh	Thành viên HĐQT
Ông Cao Tiến Trung	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc
Và các thành viên trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Họ tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị			
Lã Tuấn Hưng	Thành viên HĐQT	-	32.562.000
Phạm Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT	-	25.778.250
Tiền lương Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Trần Huyền Linh	Chủ tịch HĐQT	-	356.674.500
Cao Tiến Trung	Thành viên BKS	74.682.018	136.473.699
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác			
Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc	130.966.788	288.034.393
Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	116.609.186	253.574.998
Trần Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	114.552.718	235.076.467
Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	106.653.615	236.758.618
Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc	115.400.525	179.797.377
Nguyễn Hoàng Anh	Người được UQ công bố thông tin	88.938.949	184.477.000
Tổng		747.803.799	1.929.207.302

c. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu KH	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu KH	13.505.443.049	13.505.443.049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu KH	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu KH	19.785.826	19.785.826
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu KH	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Phải thu KH	73.870.335	73.870.335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu KH	3.191.001.774	3.191.001.774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu KH	557.364.685	557.364.685
b) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu KH	296.107.935	296.107.935
Tổng		21.761.302.987	21.761.302.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Trả trước người bán	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Xây dựng	Trả trước người bán	1.373.400.000	1.373.400.000
Công trình Giao thông Hà Nội			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Trả trước người bán	1.143.596.893	1.143.596.893
b) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Trả trước người bán	459.622.441	459.622.441
Tổng		146.267.359.886	146.267.359.886

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	26.527.320.279	26.527.320.279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8.792.920.720	8.792.920.720
Công ty CP BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3.320.000.000	3.320.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Phải thu khác	844.205.019	844.205.019
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	528.916.364	528.916.364
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	874.539.347	874.539.347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	59.951.900	59.951.900
b) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	384.812.111	384.812.111
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải thu khác	12.600.000	12.600.000
Tổng		43.274.952.122	43.274.952.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75.267.249	75.267.249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	4.737.157.555	4.737.157.555
Công ty CP BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	2.528.899.709	2.528.899.709
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Xây dựng	Phải trả người bán	2.330.952.761	2.330.952.761
Công trình Giao thông Hà Nội			
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	28.443.875.281	28.443.875.281
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả người bán	197.063.812	197.063.812
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	19.170.145.785	19.170.145.785
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	17.814.866.775	17.814.866.775
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.644.357.996	6.644.357.996
b) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	Phải trả người bán	10.006.148.667	10.006.148.667
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	Phải trả người bán	1.324.178.612	1.324.178.612
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	277.675.257	277.675.257
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải trả người bán	2.855.416.755	2.855.416.755
Tổng cộng		97.681.934.026	97.681.934.026

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP BĐS Hà Nội Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	15.750.000	15.750.000

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
b) Đầu tư dài hạn khác			
a) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải trả khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả khác	85.370.000	85.370.000
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Phải trả khác	37.269.382	37.269.382
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	18.083.013	18.083.013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	2.125.000.000	2.125.000.000
b) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Phải trả khác	3.862.093.801	3.862.093.801
Tổng		16.705.940.790	16.705.940.790

Các khoản Vay	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phạm Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT	340.000.000	340.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty cổ phần Đầu tư TM và XD Công Trình Giao thông HN	Cho thuê mặt bằng	103.390.909	-
Công ty CP đầu tư XD Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	28.690.910
Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Xây dựng Sông Hồng	Cho thuê mặt bằng	140.945.455	-
Tổng		244.336.364	28.690.910

7.2. Thông tin khác

i. Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế dự án. Căn cứ kết quả dự thảo thẩm tra gần nhất của Tổ thẩm tra quyết toán dự án, Tổng Công ty dự kiến sẽ thu được thêm số tiền khoảng 2,2 tỷ đồng do giảm trừ chi phí phân bổ theo giá trị quyết toán dự kiến được phê duyệt. Ngày 18/04/2022, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT về việc Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 là 831.491.569.445 đồng.

ii. Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 Công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng-Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhóm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc thoái vốn Nhà Nước chưa hoàn thành. Ngày 05/03/2020 Bộ Kế hoạch đầu tư đã có Văn bản số 1418/BKHĐT-PTDN gửi Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1232/QĐ-TTg, theo đó dự thảo thực hiện thoái vốn Nhà nước toàn bộ tại Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đến hết 30/09/2020, nếu không hoàn thành thoái vốn thì chuyển giao về SCIC trước ngày 31/12/2020. Theo Quyết định số 580/VPCP-DMDN ngày 23/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc Gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020: "Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương tiếp tục thực hiện quyết định số 908/QĐ-TTg đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025.", Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng có nằm trong danh sách thuộc Quyết định số 908/QĐ-TTg.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.2. Thông tin khác (Tiếp theo)

- iii. Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

7.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Cổ phiếu của Tổng Công ty bị duy trì hạn chế giao dịch theo thông báo số 3127/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20/10/2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số số liệu đầu kỳ đã được trình bày lại theo quyết định của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số số liệu đầu kỳ đã được trình bày lại theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã quyết định trình bày lại, phân loại lại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022. Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2021, điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ phải thu 2.207.017.727 đồng do đó lợi nhuận sau thuế cũng giảm tương ứng, cụ thể như sau:

CHÈNH LỆCH SỐ LIỆU BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Số dư tại	Số dư tại	Chênh lệch
	31/12/2021	31/12/2021	
	Trình bày lại	Đã trình bày	
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	202.739.940.996	204.946.958.723	(2.207.017.727)
Cộng thay đổi Tài sản			(2.207.017.727)
Vốn chủ sở hữu			-
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.087.856.942.489)	(1.085.649.924.762)	(2.207.017.727)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			(2.207.017.727)

CHÈNH LỆCH SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2021	Chênh lệch
	(Trình bày lại)	(Đã trình bày)	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.239.064.538	46.446.082.265	(2.207.017.727)
Lợi nhuận sau thuế	(57.483.134.349)	(55.276.116.622)	(2.207.017.727)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.132,08)	(2.050,23)	(81,86)

Thông tin điều chỉnh hồi tố trên tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh chỉ có tính chất trình bày, không có tính chất so sánh.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Trần Anh Tài

Lã Tuấn Hưng